

Tinh thần hòa hợp qua Tiểu Kinh Sùng Bò

ISSN: 2734-9195 08:25 07/03/2026

Chính từ những nếp sống lặng lẽ mà bền bỉ ấy, con đường phạm hạnh được tiếp nối vững chắc, đồng thời lan tỏa giá trị an lành cho gia đình và xã hội đương đại.

Hòa hợp là một trong những giá trị cốt lõi của đời sống Phật giáo. Từ khi đức Phật thành đạo và thành lập Tăng đoàn, Ngài luôn nhấn mạnh tinh thần hòa thuận.

Trong số các bài kinh lưu truyền, Tiểu kinh Sùng bò (Cūlagosinga Sutta)(1) thuộc Trung Bộ kinh, đã ghi lại một dịp đức Phật ghé thăm và hỏi về nếp sinh hoạt tu tập của ba vị Tỷ-kheo là Tôn giả Anuruddha, Nandiya và Kimbila, đang an trú trong rừng Cūlagosinga.

Nội dung ngắn gọn nhưng hàm chứa chiều sâu tư tưởng, đưa ra những minh chứng cụ thể về tinh thần đồng tu trong tăng đoàn, qua đó gợi mở nhiều bài học thiết thực cho hàng xuất gia và cư sĩ giữa đời sống hiện đại.

Khái niệm hòa hợp trong bản Kinh

Khi đức Phật hỏi: “*Này các Anuruddha, các ông có sống hòa hợp, hoan hỷ với nhau, không có cãi nhau, như nước với sữa, sống nhìn nhau với cặp mắt thiện cảm không?*”

Ba vị đáp: “*Bạch Thế Tôn, thật sự chúng con sống hòa hợp, hoan hỷ với nhau, không có cãi nhau, như nước với sữa, sống nhìn nhau với cặp mắt thiện cảm*”(2).



(Ảnh: Internet)

Hình ảnh “như nước với sữa” không chỉ là một mỹ từ mà đó là biểu tượng của sự hòa hợp nhưng không làm mất bản chất nguyên thủy của mỗi thành phần. Nước khi hòa với sữa, hai thứ không tách rời nhau, không phản kháng, không xảy ra xung đột, là một trong những biểu tượng đẹp nhất để mô tả tinh thần hòa hợp trong cộng đồng tu tập.

Hòa hợp theo tinh thần này không phải là hòa tan cá nhân đến mức mất tự chủ, cũng không phải là thuận theo số đông một cách vô căn cứ. Ngược lại, đó là sự đồng thuận dựa trên chính kiến, giới luật và trí tuệ.

Ba vị Tỷ-kheo ấy không chỉ tránh xung đột bề ngoài, mà họ an trú trong một mối quan hệ sâu sắc, nơi tâm của họ giống như đồng một tâm, dù thân thể vẫn là ba cá thể khác nhau.

Khi trình bày nguyên nhân dẫn đến hòa hợp, họ nói rằng vì lợi ích biết bao khi được sống với các vị đồng phạm hạnh như vậy, nên ở với nhau, họ không chỉ tránh xung đột, mà còn nuôi dưỡng sự thiện cảm và chân thành sâu sắc: *“Thật lợi ích thay cho ta! Thật khéo lợi ích thay cho ta, khi ta được sống với các vị đồng Phạm hạnh như vậy!”* Bạch Thế Tôn, do vậy, đối với các vị đồng Phạm hạnh này, con khởi lên từ thân nghiệp trước mặt và sau lưng, con khởi lên từ khẩu nghiệp trước mặt và sau lưng, con khởi lên từ ý nghiệp trước mặt và sau lưng”(3).

Điều đó cho thấy, hòa hợp không chỉ dừng lại ở sự êm ả bề ngoài, mà đòi hỏi một sự quán chiếu rất ráo từ nơi thân, khẩu và ý. Khi hòa hợp được thiết lập một cách chân thực thì cả tam nghiệp đều vận hành trong mối tương quan hỗ

trợ, nuôi dưỡng và thúc đẩy lẫn nhau, cùng nhau hướng đến sự giác ngộ.

Hòa hợp đi đôi với đạo đức thực hành

Hòa hợp trong kinh không chỉ được thể hiện qua những lời nói êm dịu, mà còn được minh chứng bằng các hành vi cụ thể trong sinh hoạt thường nhật của ba vị Tỷ-kheo. Sau khi đức Phật xác nhận sự an hòa giữa các vị, Ngài tiếp tục tìm hiểu và thăm hỏi về việc các vị có sống không phóng dật, có nuôi dưỡng nhiệt tâm và tinh cần trong tu tập hay không.

An trú giữa chốn rừng sâu, ba vị Tỷ-kheo tự phân định công việc rõ ràng: *“Bạch Thế Tôn, chúng con, ai đi làng khát thực về trước, thì người ấy sắp đặt các chỗ ngồi, soạn sẵn nước uống, nước rửa chân, soạn sẵn một bát để bỏ đồ dư... Và đến ngày thứ năm, bạch Thế Tôn, suốt cả đêm, chúng con ngồi đàm luận về đạo pháp. Như vậy, bạch Thế Tôn, chúng con sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần”*(4). Qua những gì được kinh mô tả, ta thấy rằng sự hòa hợp được thể hiện rõ trong cách họ tuân thủ giới luật, nâng đỡ nhau bằng sự lặng lẽ và chăm sóc lẫn nhau một cách tự nhiên.

Tuy bản kinh không đi vào việc liệt kê từng hành vi cụ thể nhưng qua lời đáp của ba vị đối với đức Phật, có thể nhận ra rằng sự hòa hợp không nằm ở lời nói suông, mà được thể hiện trọn vẹn nơi thân nghiệp, khẩu nghiệp và ý nghiệp. Nền tảng đạo đức thực hành gắn liền với chính niệm, thân - khẩu - ý đều được nhiếp phục bởi giới luật, không phóng dật và luôn hướng đến sự an lạc của tập thể.

Hòa hợp và đoạn trừ ngã chấp

Một trong những điểm nổi bật của bài kinh là chiều sâu của tinh thần hòa hợp gắn liền với việc đoạn trừ ngã chấp. Ba vị Tỷ-kheo không chỉ dừng lại ở việc tránh xung đột hay duy trì bầu không khí yên ổn, mà còn thể hiện một thái độ nội tâm sâu xa hơn, họ quyết tâm từ bỏ tâm của ta để sống thuận theo tâm của những vị đồng phạm hạnh.

“Bạch Thế Tôn, chúng con suy nghĩ như sau: hãy từ bỏ tâm của ta và sống thuận theo tâm của những Tôn giả này. Bạch Thế Tôn, chúng con tuy khác thân nhưng giống như đồng một tâm”. (5)

“Tâm của ta” ở đây không chỉ là cá tính thông thường, mà là biểu hiện của bản ngã vi tế, điều mà đức Phật gọi là chấp ngã, một trong những chướng ngại lớn nhất trên con đường tu tập. Khi chưa vượt qua được chấp ngã, sự hòa hợp chỉ mang tính hình thức, rất dễ phát sinh so đo, tranh đua hay ganh ghét. Nhưng ba

vị Tỷ-kheo đã đi xa hơn, họ ý thức rõ rằng bất cứ điều gì xuất phát từ bản ngã đều có thể trở thành rào cản cho sự chung sống hòa hợp, nên họ đã chủ động buông xả thái độ vị kỷ để an trú trong sự đồng thuận chân thành.

Ba vị Tỷ-kheo tuy “khác thân nhưng đồng một tâm”, nghĩa là không hòa tan cá nhân vào tập thể, giữ gìn chính kiến riêng trong khuôn khổ chính pháp. Chính tinh thần ấy đã tạo nên sự hòa hợp sâu sắc, cộng đồng hòa hợp thực sự là nơi mỗi cá nhân tự thức liễm thân tâm, không chỉ vì người khác mà còn vì sự tinh tấn và tỉnh thức của chính mình.

Bài học ứng dụng vào đời sống hiện đại

Tiểu kinh Sùng Bò tuy thuật lại cuộc đối thoại của ba vị Tỷ-kheo cách nay hơn 2600 năm nhưng tinh thần hòa hợp mà bài kinh truyền tải vẫn còn nguyên giá trị ứng dụng trong đời sống hiện đại, không chỉ đối với cộng đồng tu học mà cả trong gia đình và xã hội rộng lớn.

Trong cộng đồng tu học, bài kinh gợi nhắc một nguyên lý nền tảng, tăng đoàn chỉ thực sự trở thành ruộng phước của thế gian khi được xây dựng dựa trên giới luật thanh tịnh, trí tuệ sáng suốt và sự hòa hợp chân thật. Một tăng đoàn không lớn mạnh nhờ vào số lượng hay hình thức bên ngoài, mà nhờ vào khả năng mỗi thành viên tự giác điều phục tam nghiệp, chủ động chuyển hóa chấp ngã và sống với tinh thần tương kính, tương trợ. nếp sống cộng trú làm cho đạo đức được nuôi dưỡng và trí tuệ được khai mở. Giá trị này đặc biệt thiết yếu đối với hàng tu sĩ trẻ, những người vừa bước vào đời sống xuất gia và môi trường tu học chung. Trong không gian ấy, sự khác biệt về cá tính, tập quán và trải nghiệm sống là điều khó tránh. Nếu thiếu nền tảng hòa hợp nội tâm và ý thức đoạn trừ chấp ngã, đời sống cộng trú dễ trở thành áp lực, ngược lại, khi mỗi người biết quay về nhiếp phục tự thân, tập thể tu học sẽ trở thành môi trường nâng đỡ và giúp hành giả vững bước trên con đường học đạo.

Trong phạm vi gia đình, tinh thần hòa hợp của bài kinh được thể hiện qua sự tôn trọng giữa các thành viên, khả năng lắng nghe và chia sẻ chân thành, không để cái tôi cá nhân trở thành rào cản cho tình thân. Khi mỗi người biết lùi lại một bước, biết buông bỏ chấp thủ và đặt lợi ích chung lên trên, thì gia đình mới thật sự là nơi nương tựa an lành.

Ngay cả trong các tổ chức và tập thể xã hội, bài học này vẫn có giá trị thiết thực. Sự tôn trọng lẫn nhau, tinh thần trách nhiệm chung và khả năng xả bỏ những chấp trước nhỏ nhặt chính là nền tảng để xây dựng một môi trường làm việc tích cực, hiệu quả và bền vững.

Ngoài ra, tinh thần hòa hợp còn được áp dụng trong mối quan hệ với môi trường sống như sự tiết độ, biết đủ, tôn trọng mọi sinh linh và bảo vệ thiên nhiên, tất cả đều bắt nguồn từ những nguyên tắc đạo đức giống như ba vị Tỷ-kheo đã giữ gìn và kiểm soát thân tâm của mình trong mọi hoàn cảnh.

Từ những ứng dụng thực tiễn ấy, tinh thần hòa hợp của bài kinh đã để lại một thông điệp vượt thời gian về cách xây dựng đời sống chung trên nền tảng tỉnh thức và buông xả. Khi từng cá nhân biết giữ gìn sự thanh tịnh trong từng cử chỉ, lời nói và ý niệm, cộng đồng tự nhiên trở thành môi trường nuôi dưỡng đạo hạnh và trí tuệ. Chính từ những nếp sống lặng lẽ mà bền bỉ ấy, con đường phạm hạnh được tiếp nối vững chắc, đồng thời lan tỏa giá trị an lành cho gia đình và xã hội đương đại.

Tác giả: **Huệ Đức**

Tạp chí Nghiên cứu Phật học Số tháng 03/2026

Chú thích:

(1) *Tiểu kinh Sừng Bò, Trung Bộ kinh, HT. Thích Minh Châu dịch, VNCPHVN, NXB Hồng Đức, 2020, tr.229.*

(2) *Sđd, tr.230.*

(3) *Sđd, tr.230.*

(4) *Sđd, tr.230.*

(5) *Sđd, tr.230.*

Tài liệu tham khảo:

Tiểu kinh Sừng bò (Cūlagosinga Sutta), Trung Bộ kinh, HT. Thích Minh Châu (dịch), Viện nghiên cứu Phật học Việt Nam, NXB Hồng Đức, 2020.